

PHỤ LỤC V

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2
MST: 1800590430

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /EVNGENCO 2-KH

Cần Thơ, ngày tháng 6 năm 2020

Năm báo cáo: 2020

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước

a) Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước:

Tổng sản lượng điện sản xuất thực hiện 03 năm là 52.204 triệu kWh đạt 94,07% kế hoạch. Trong đó, khối nhiệt điện than thực hiện được 38.069 triệu kWh đạt 98% kế hoạch chiếm tỷ trọng 73% tổng sản lượng toàn Tổng công ty, khối thủy điện thực hiện được 12.936 triệu kWh đạt 104,15% kế hoạch chiếm tỷ trọng 24,83% và khối nhiệt điện dầu thực hiện được 1.172 triệu kWh đạt 29,33% kế hoạch chiếm tỷ trọng 2,24%.

Đơn vị tính: Triệu kWh

S T T	Đơn vị	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Thực hiện 3 năm		TH/KH
		KH 2017	TH 2017	KH 2018	TH 2018	KH 2019	TH 2019	KH	TH	03 năm (%)
Công ty mẹ và 100% vốn		4.041	2.690	3.345	2.626	3.830	2.508	11.216	7.824	70
Nhiệt điện dầu		1.758	25	692	129	1.546	1.018	3.996	1.172	29
1	Cần Thơ- Ô Môn	1.758	25	692	129	1.546	1.018	3.996	1.172	29
Thủy điện		2.283	2.665	2.653	2.497	2.284	1.490	7.220	6.652	92
3	An Khê-Kanak	533	858	554	582	316	205	1.403	1.645	117
4	Quảng Trị	171	294	185	319	170	239	526	852	162
5	Sông Bung 4	400	654	413	368	334	218	1.147	1.240	108
6	Sông Bung 2	179		420	143	384	177	983	320	33
7	Trung Sơn	1.000	859	1.081	1.085	1.080	651	3.161	2.595	82
Công ty cổ phần		14.996	14.080	14.088	14.657	15.194	15.643	44.278	44.380	100
Nhiệt điện than		13.121	11.337	12.156	12.574	13.622	14.158	38.899	38.069	98
1	Hải Phòng	7.530	6.339	7.049	6.967	7.782	8.102	22.361	21.408	96
2	Phả Lại	5.591	4.998	5.107	5.607	5.840	6.056	16.538	16.661	101
Thủy điện		1.875	2.743	1.932	2.083	1.572	1.485	5.379	6.311	117
3	A Vương	600	1.001	645	580	450	315	1.695	1.896	112
4	Sông Ba Hạ	595	944	603	665	499	543	1.697	2.152	127
5	Thác Mơ	680	798	684	838	623	627	1.987	2.263	114
TỔNG CỘNG		19.037	16.770	17.433	17.283	19.024	18.151	55.494	52.204	94

* Ghi chú: đã bao gồm sản lượng điện chạy tin cậy của Thủy điện Trung Sơn và Thủy điện Sông Bung 2

Trong giai đoạn năm 2017 – 2019, sản lượng điện thương phẩm của EVNGENCO 2 luôn tăng trưởng qua các năm, bình quân qua 3 năm, Tổng công ty đóng góp được cho nền an ninh năng lượng nước nhà với sản lượng đạt 16.119,10 triệu kWh/năm đồng thời góp phần tích cực đến việc tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty với kết quả đạt được như sau:

Chỉ tiêu	Năm			Chênh lệch			
	2017	2018	2019	2018/2017		2019/2018	
				+/-	%	+/-	%
Sản lượng điện thương phẩm (triệu kWh)	15.471,85	16.080,22	16.805,24	608,37	103,93	725,02	104,51
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	3.032,00	3.083,00	3.575,00	51,00	101,68	492,00	115,96

b) Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước

- Trong giai đoạn 2017-2019, EVNGENCO 2 đã hoàn thành thi công và đưa vào vận hành thương mại các nhà máy TĐ Trung Sơn (260 MW), TĐ Sông Bung 2 (100 MW).

- Về công tác quyết toán:

+ Hoàn tất phê duyệt quyết toán công trình các dự án TĐ An Khê – Kanak, TĐ Sông Bung 4, nhà máy Nhiệt điện Ô Môn I#2.

+ Đã hoàn tất trình EVN quyết toán dự án TĐ Trung Sơn giai đoạn 1&2 trong năm 2018, dự án TĐ Sông Bung 2 (giai đoạn 1) năm 2019 và hiện đang tập trung quyết toán phần còn lại của 2 dự án này trong năm 2020.

- Tích cực triển khai các thủ tục đầu tư các dự án năng lượng tái tạo: Hoàn tất phê duyệt dự án đầu tư cho Dự án điện gió Công Hải 1 – giai đoạn 2; Dự án điện gió Hương Phùng 1; khởi công công trình mở rộng lưu vực bổ sung nước cho Công trình Thủy lợi – Thủy điện Quảng Trị và vùng hạ du vào tháng 05/2019.

Giá trị giải ngân giai đoạn năm 2017 đến năm 2019 là: 2.224 tỷ đồng/ 2.187 tỷ đồng kế hoạch.

c) Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm

- Năm 2017, Thực hiện nghiêm túc chủ trương của Chính phủ và chỉ đạo của EVN, Tổng công ty đã triển khai công tác bàn giao dự án Nhiệt điện Ô Môn III&IV sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo chỉ đạo của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại văn bản số 5909/EVN-KH ngày 15/12/2017.

- Ngày 24/9/2018, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã phê duyệt vốn điều lệ của Tổng công ty Phát điện 2 tại Quyết định số 251/QĐ-EVN với vốn điều lệ mới là 11.844 tỷ đồng.

- Ngày 01/10/2018, EVNGENCO 2 đã giảm vốn điều lệ tại Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn từ 1.170 tỷ đồng xuống còn 902,814 tỷ đồng theo Quyết định số 459/QĐ-EVNGENCO 2.

- Giai đoạn năm 2017 - 2019, EVNGENCO 2 đã triển khai thực hiện các công tác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh như: triển khai đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu suất vận hành của các NMNĐ than, về công tác sửa chữa bảo dưỡng tất cả các đơn vị trong toàn EVNGENCO2 đều thực hiện đúng hoặc vượt tiến độ so với kế hoạch đăng ký A0, tập trung vào độ tin cậy, ổn định của thiết bị và hệ thống điện (RCM –Reliability centered manterance); thực hiện triển khai đề án nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ của cuộc CMCN 4.0 vào hoạt động SXKD... Bên cạnh đó, để nâng cao công tác quản lý, Tổng công ty đã nâng cấp hệ thống quản lý văn bản E-Office tại Tổng công ty Phát điện 2 và các đơn vị thành viên; triển khai thành công hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) tại Cơ quan Tổng công ty và các đơn vị thành viên; triển khai chương trình đánh giá và đo lường hiệu quả công việc (KPIs).

d) Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

*** Những thuận lợi:**

- Kinh tế - xã hội của đất nước có bước phát triển mới, tình hình chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được giữ vững.

- Năng lực quản lý và trình độ kỹ thuật của cán bộ công nhân viên được nâng cao; Khoa học công nghệ trong sản xuất có những bước tiến đáng kể; Cán bộ đảng viên, công nhân viên chức đoàn kết, nhất trí trên dưới một lòng.

- Sự chỉ đạo kịp thời, sâu sát của Chính phủ, của bộ chủ quản (Bộ Công Thương), của cơ quan chỉ đạo trực tiếp (Cục Điều tiết điện lực) và của đơn vị quản lý cấp trên (Tập đoàn Điện lực Việt Nam).

- Sự ủng hộ, đồng thuận của cộng đồng dân cư nơi thực hiện các dự án, công trình, nơi các nhà máy điện hoạt động. Sự tin cậy, cộng tác của cộng đồng doanh nghiệp.

*** Những khó khăn, thách thức:**

- Phần lớn các công ty của Tổng công ty thuộc loại hình thủy điện. Tình hình sản xuất của các nhà máy thủy điện phụ thuộc chủ yếu vào diễn biến của thời tiết. Diễn hình từ Quý 4/2018 đến 2019, tình hình thủy văn diễn ra bất thường, nắng nóng kéo dài, lưu lượng nước về thực tế hầu hết ở các hồ thủy điện kém hơn so với giá trị trung bình nhiều năm nên các nhà máy Thủy điện của Tổng công ty chỉ được khai thác hạn chế, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Tổng công ty cũng như việc tích nước phục vụ sản xuất và cấp nước cho hạ du trong mùa khô năm 2020.

- Các tổ máy thủy điện của Tổng công ty Phát điện 2 có công suất thấp, thêm vào đó, Tổng công ty còn quản lý các tổ máy nhiệt điện dầu có giá thành cao dẫn đến việc cân đối tài chính của Tổng công ty còn gặp nhiều khó khăn.

- Sản xuất kinh doanh điện và đầu tư của EVNGENCO 2 tiếp tục chịu ảnh hưởng lớn, rủi ro của các yếu tố đầu vào cơ bản như giá nhiên liệu, biến động tỷ giá ngoại tệ, cơ cấu sản lượng điện phát, chính sách tín dụng, tiền tệ.

đ) Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu,...)

Hiện nay, thị trường điện nhận được sự quan tâm đặc biệt của Nhà nước nhằm chuyên ngành điện theo cơ chế thị trường, tăng tính minh bạch và cạnh tranh, bên cạnh đó sẽ đảm bảo sự phát triển vững mạnh của ngành, phục vụ nhu cầu cung cấp điện cho các hoạt động sản xuất và đời sống chính trị - xã hội của đất nước.

Theo Quy hoạch điện VII, nhu cầu về điện của Việt Nam tiếp tục tăng, trung bình khoảng 10,5%/năm từ năm 2016-2020. Với nhu cầu cung cấp điện cho phát triển kinh tế xã hội như trên cơ hội tham gia cung cấp điện của các nhà máy điện trong EVNGENCO 2 có nhiều thuận lợi nhất là từ năm 2012 các nhà máy tham gia thị trường phát điện cạnh tranh giúp nâng cao tính cạnh tranh giữa các đơn vị phát điện, các nhà máy chủ động trong việc xây dựng chiến lược vận hành mang lại hiệu quả cao nhất. Bên cạnh đó, các nguồn năng lượng tái tạo khác như điện gió, điện mặt trời cũng đang được EVNGENCO 2 triển khai đầu tư xây dựng. Do đó, EVNGENCO 2 sẽ cần quyết liệt hơn nữa trong công tác sản xuất kinh doanh điện năng và đầu tư xây dựng để đảm bảo khả năng cung cấp dịch vụ, phát triển ngành Điện bền vững, đáp ứng nhu cầu sử dụng điện cho phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của nhân dân.

Mục tiêu

- Phấn đấu trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất điện. Là một doanh nghiệp mạnh trong công tác quản lý các dự án nguồn điện, quản lý vận hành các nhà máy điện và tạo ra các sản phẩm dịch vụ có chất lượng cao trong lĩnh vực điện. Phấn đấu để EVNGENCO2 trở thành thương hiệu có uy tín cao trong lĩnh vực sản xuất điện.

- Phát triển ổn định, bền vững, có sức cạnh tranh cao, hoạt động vì mục tiêu góp phần bảo đảm an ninh năng lượng Quốc gia, đồng thời hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận, giải quyết việc làm cho người lao động và tích lũy đầu tư để phát triển bền vững.

- Bảo toàn và phát triển vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp; sản xuất kinh doanh có lãi, từng bước lành mạnh hóa bức tranh tài chính và cổ phần hóa thành công EVNGENCO 2.

Công tác chuẩn bị trong tương lai nhằm tạo lợi thế cạnh tranh cho EVNGENCO 2:

- Xây dựng kế hoạch đồng bộ góp phần lành mạnh hóa tài chính:

+ Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả vốn vay đảm bảo hệ số bảo toàn vốn và hệ số thanh toán nợ lớn hơn 1 lần.

+ Đa dạng hóa các nguồn vốn huy động cho các dự án điện, đảm bảo chi phí sử dụng vốn tối ưu.

+ Tối đa hoá cổ tức của các công ty cổ phần thông qua tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, quản lý mua sắm đấu thầu hiệu quả, quản trị tài chính...

+ Thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

- Xây dựng chiến lược tối ưu hóa nguồn nhân lực:

+ Đồng bộ hóa cơ cấu lao động phù hợp với lộ trình sắp xếp cơ cấu để cổ phần hóa, trong phạm vi toàn Tổng công ty.

+ Các công việc phục vụ, phụ trợ không yêu cầu cao về trình độ chuyên môn, kỹ thuật như bảo vệ (đối với các chốt bảo vệ còn lại không có trong định biên), phục vụ, vệ sinh công nghiệp, lễ tân, cấp dưỡng,... thực hiện thuê dịch vụ bên ngoài.

+ Xây dựng kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực hàng năm dựa trên cơ sở nhu cầu đào tạo của CBCNV của từng đơn vị nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng công việc.

+ Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý thuộc diện quy hoạch và cán bộ đương chức theo đúng tiêu chuẩn cán bộ; Tham gia các đề án chương trình đào tạo chuyên gia của Tập đoàn, các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng do Tập đoàn và Tổng công ty tổ chức.

- Đẩy mạnh thực hiện tối ưu hóa chi phí trong sản xuất điện năng:

+ Xây dựng kế hoạch tăng cường công tác quản lý và nâng cao hiệu quả chiến lược chào giá trên thị trường bán buôn điện cạnh tranh của các nhà máy điện để tối đa hóa doanh thu từ hoạt động sản xuất điện năng.

+ Xây dựng kế hoạch vận hành an toàn các nhà máy, tối thiểu hóa suất sự cố đồng thời với tiết kiệm điện, giảm dần tỉ lệ điện tự dùng và tổn thất để tối đa hóa sản lượng điện thương phẩm.

+ Nghiên cứu, phát triển ứng dụng công nghệ của cuộc CMCN 4.0 vào hoạt động SXKD để giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động.

+ Xây dựng kế hoạch đáp ứng tốt công tác thủy lợi: đảm bảo cấp nước tưới tiêu nông nghiệp và sinh hoạt cho hạ du trong mùa khô, tích nước chống lũ trong mùa mưa bão; đồng thời giảm thiểu đến mức thấp nhất lãng phí do việc xả nước qua tràn trong mùa mưa bão để tối ưu hóa tài nguyên nước.

- Xây dựng kế hoạch cung cấp thông tin, thực hiện tốt chế độ báo cáo với các cơ quan chức năng theo đúng quy định, xây dựng kế hoạch công bố thông tin có độ tin cậy và tính minh bạch cao trên thị trường điện Việt Nam. Nâng cao uy tín và vị thế của Tổng công ty trên thị trường điện Việt Nam và các nhà đầu tư quốc tế.

- Đẩy mạnh thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển:

+ Tích cực phát triển nguồn điện mới, đồng thời đảm bảo tiến độ các dự án nguồn đang đầu tư:

- Điện gió Công Hải 1 - giai đoạn 2.

- Điện gió Hướng Phùng 1.
- Mở rộng lưu vực bổ sung nước cho Công trình Thủy lợi – Thủy điện Quảng Trị và vùng hạ du.

BIỂU SỐ 1
MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	Ước thực hiện năm báo cáo (năm 2020)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất	Triệu kWh	16.770	17.283	18.151	18.590
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	22.435	23.804	27.499	29.784
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3.032	3.083	3.575	2.435
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	2.092	2.546	2.092	2.092
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD	không có	không có	không có	không có
6	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)		không có	không có	không có	không có
7	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng	1.072	531	622	598
a)	- Vốn tự có		292	369	204	598
b)	- Vốn vay		780	162	418	-
c)	- Vốn khác					
8	Tổng lao động (*)	Người	3.409	3.338	3.070	2.829
9	Tổng quỹ lương (*)	Tỷ đồng	810,716	846,907	667,761	720,306
a)	- Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	4,543	3,851	1,607	4,171
b)	- Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	806,173	843,056	666,154	716,135

Ghi chú: - Đối với tập đoàn kinh tế, tổng công ty và nhóm công ty mẹ - công ty con là báo cáo hợp nhất.
(*) Chưa bao gồm các Ban quản lý dự án.

2. Tình hình đầu tư tại các công ty con

BIỂU SỐ 2: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NẴM CỔ PHẦN CHI PHỐI

S T T	Tên Doanh nghiệp	Thực hiện năm 2017			Thực hiện năm 2018			Thực hiện năm 2019			Ước Thực hiện năm 2020		
		Vốn Điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của Cty mẹ (%)	Vốn thực góp (tỷ đồng)	Vốn Điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của Cty mẹ (%)	Vốn thực góp (tỷ đồng)	Vốn Điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của Cty mẹ (%)	Vốn thực góp (tỷ đồng)	Vốn Điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của Cty mẹ (%)	Vốn thực góp (tỷ đồng)
1	Các Cty con do Cty mẹ nắm giữ 100% VĐL	1.170,00	-	902,81	902,81	-	931,48	902,81	-	925,26	902,81	-	925,26
-	Trung Sơn	1.170	100,00	902,81	902,81	100,00	931,48	902,81	100,00	925,26	902,81	100,00	925,26
2	Các Cty con do Cty mẹ nắm CP chi phối	10.955,12	-	6.001,05	10.955,12	-	6.001,05	10.955,12	-	6.001,05	10.955,12	-	6.001,05
-	Phả Lại	3.262,35	51,00	1.663,92	3.262,35	51,00	1.663,92	3.262,35	51,00	1.663,92	3.262,35	51,00	1.663,92
-	Hải Phòng	5.000,00	51,00	2.550,00	5.000,00	51,00	2.550,00	5.000,00	51,00	2.550,00	5.000,00	51,00	2.550,00
-	A Vương	750,52	87,45	656,30	750,52	87,45	656,30	750,52	87,45	656,30	750,52	87,45	656,30
-	Sông Ba Hạ	1.242,25	61,78	767,41	1.242,25	61,78	767,41	1.242,25	61,78	767,41	1.242,25	61,78	767,41
-	Thác Mơ	700,00	51,92	363,42	700,00	51,92	363,42	700,00	51,92	363,42	700,00	51,92	363,42
3	Tổng cộng	12.125,12		6.903,86	11.857,93		6.932,53	11.857,93		6.926,31	11.857,93		6.926,31